

Địa giới hành chính xã An Bình: Đông; Tây; Nam; Bắc giáp biển Đông.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã An Bình, xã Lý Vĩnh còn lại 419 ha diện tích tự nhiên và 11.059 nhân khẩu.

Đổi tên xã Lý Vĩnh thành xã An Vĩnh.

4. Đổi tên xã Lý Hải thuộc huyện Lý Sơn thành xã An Hải.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 146/2003/NĐ-CP ngày 01/12/2003 về việc thành lập xã thuộc huyện Bắc Quang và thành lập huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh địa giới hành chính thành lập xã thuộc huyện Bắc Quang và điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần để thành lập huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang như sau:

1. Thành lập xã Tân Bắc thuộc huyện Bắc Quang trên cơ sở 5.690 ha diện tích tự nhiên và 3.644 nhân khẩu của xã Tân Trịnh.

Địa giới hành chính xã Tân Bắc: Đông giáp xã Tân Trịnh; Tây giáp xã Yên Bình; Nam giáp xã Bằng Lang; Bắc giáp huyện Hoàng Su Phì.

Sau khi thành lập xã Tân Bắc, xã Tân Trịnh còn lại 5.102 ha diện tích tự nhiên và 4.192 nhân khẩu.

2. Thành lập xã Đông Thành thuộc huyện Bắc Quang trên cơ sở 3.891,10 ha diện tích tự nhiên và 2.293 nhân khẩu của xã Đồng Yên, 1.478 ha diện tích tự nhiên và 443 nhân khẩu của xã Vĩnh Hảo.

Xã Đông Thành có 5.369,1 ha diện tích tự nhiên và 2.736 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Đông Thành: Đông giáp tỉnh Tuyên Quang; Tây giáp

xã Đồng Yên; Nam giáp các tỉnh Yên Bái, Tuyên Quang; Bắc giáp các xã Vĩnh Phúc, Vĩnh Hảo và thị trấn Vĩnh Tuy.

Sau khi thành lập xã Đông Thành:

- Xã Đồng Yên còn lại 4.053,90 ha diện tích tự nhiên và 6.034 nhân khẩu.

- Xã Vĩnh Hảo còn lại 5.082 ha diện tích tự nhiên và 4.565 nhân khẩu.

3. Thành lập huyện Quang Bình trên cơ sở 52.767 ha diện tích tự nhiên và 42.947 nhân khẩu (gồm toàn bộ các xã Bản Rịa, Yên Thành, Yên Bình, Bằng Lang, Xuân Giang, Nà Khương, Yên Hà, Tiên Yên, Hương Sơn, Tân Trịnh, Vĩ Thượng, Tân Bắc) của huyện Bắc Quang; 17.013 ha diện tích tự nhiên và 5.457 nhân khẩu (gồm toàn bộ các xã Tiên Nguyên, Xuân Minh) của huyện Hoàng Su Phì; 7.683 ha diện tích tự nhiên và 2.482 nhân khẩu (toàn bộ xã Tân Nam) của huyện Xín Mần.

Huyện Quang Bình có 77.463 ha diện tích tự nhiên và 50.886 nhân khẩu, có 15 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã Bản Rịa, Yên Thành, Yên Bình, Bằng Lang, Xuân Giang, Nà Khương, Yên Hà, Tiên Yên, Hương Sơn, Tân Trịnh, Vĩ Thượng, Tân Bắc, Tiên Nguyên, Xuân Minh, Tân Nam.

Địa giới hành chính huyện Quang Bình: Đông giáp huyện Bắc Quang; Tây giáp tỉnh Lào Cai; Nam giáp huyện Bắc Quang và tỉnh Yên Bái; Bắc giáp các huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập huyện Quang Bình:

- Huyện Bắc Quang còn lại 108.359 ha diện tích tự nhiên và 102.293 nhân khẩu, có 23 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã Đồng Tâm, Đồng Tiến, Đồng Yên, Đức Xuân, Bằng Hành, Hữu Sản, Hùng An, Kim Ngọc, Liên Hiệp, Quang Minh, Tân Lập, Tân Quang, Tân Thành, Thượng Bình, Tiên Kiều, Vô Điểm, Việt Hồng, Việt Vinh, Vĩnh Hảo, Vĩnh Phúc, Đông Thành và các thị trấn Việt Quang, Vĩnh Tuy.

- Huyện Hoàng Su Phì còn lại 62.942 ha diện tích tự nhiên và 53.447 nhân khẩu, có 25 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã Đản Ván, Bản Luốc, Bản Máy, Bản Nhùng, Bản Péo, Bản Phùng, Chiến Phố, Hồ Thầu, Nàng Đôn, Nam Sơn, Nậm Dịch, Nậm Khòa, Nậm Ty, Ngàm Đăng Vài, Pố Lô, Pờ Ly Ngài, Sán Sả Hồ, Tân Tiến, Tả Sứ Choóng, Thông Nguyên, Thàng Tín, Thèn Chũ Phìn, Tụ Nhân, Túng Sán và thị trấn Vinh Quang.

- Huyện Xín Mần còn lại 58.192 ha diện tích tự nhiên và 50.748 nhân khẩu, có 19 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên, Bản Díu, Bản Ngò, Chế Là, Chí Cà, Cốc Pài, Cốc Rế, Nàn Ma, Nàn Xỉn, Nám Dẩn, Ngán Chiên, Pà Vây Sủ, Tả Nhùi, Thèn Phàng, Thu Tà, Trung Thịnh, Xín Mần.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi

hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1989;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995 và Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh Hành nghề y, được tư nhân ngày 25 tháng 02 năm 2003;

Theo đề nghị của các Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về điều kiện, thủ tục cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện cho người cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi chung là cơ sở cai nghiện).

Cơ sở cai nghiện do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật, tổ chức hoạt động cai nghiện ma túy theo loại hình dịch vụ có thu phí lợi nhuận hoặc hoạt động nhân đạo, từ thiện.

2. Các cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc theo Luật Phòng, chống ma túy, được thành lập theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này.

Điều 2. Khuyến khích hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện

Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại